

Bản án số: 136/2023/HNGĐ-ST

Ngày 22/12/2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

- Ông Nguyễn Hữu Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Hải Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 373/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/12/2023, giữa các đương sự:

- ***NgU đơn:*** Anh Lục Văn M, sinh năm 1999

Nơi cư trú: Thôn Tr, xã Tr, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- ***Bị đơn:*** Chị Lưu Tổ U, sinh năm 1998.

Nơi cư trú: Thôn Tr, xã Tr, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, ngU đơn là anh Lục Văn M trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lưu Tổ U về chung sống với nhau từ năm 2017, do nhận thức pháp luật hạn chế, nên cả hai không đăng ký kết hôn, hôn lễ được tổ chức theo phong tục tập quán. Sau khi cưới, anh và chị U ở với nhau ngay, thời gian đầu sống hạnh phúc và đã có con chung. Sau khi có con,

ngày 07/3/2019 cả hai tự nguyện ra Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện Lục Nam đăng ký kết hôn.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Do chị U đi làm doanh nghiệp, đã có nhiều mối quan hệ khác, anh đã nhắc nhở nhiều lần nhưng chị U không nghe, hai vợ chồng cãi nhau thường xuyên. Đến tháng 4/2023 anh và chị U lại xảy ra cãi nhau và chị U đã bỏ nhà ra ngoài ở, anh đã khuyên giải chị U, nhưng chị U cương quyết không về. Hai bên gia đình cũng hòa giải, vận động chị U về đoàn tụ, nhưng chị U không nghe. Hiện tại chị U đang thuê nhà ở thị trấn Đồi Ngô. Cả hai không còn quan hệ vợ chồng nữa, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn chị U.

- Về con chung: Anh và chị U có hai con chung là Lục A, sinh ngày 29/11/2017 và Lục Gia B, sinh ngày 28/01/2020. Ly hôn, anh xin nuôi con Lục Gia B, để chị U nuôi con Lục A.

Anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện tại anh đang làm kinh doanh hoa quả, thu nhập khoảng 15 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi con.

Từ khi chị U bỏ nhà đi, anh phải nuôi hai con, chị U thỉnh thoảng mới về thăm con, việc ăn ở, học hành đều do anh, ngoài ra anh còn có bố mẹ hỗ trợ đưa đón con đi học và chăm sóc con.

Anh là người dân tộc thiểu số, gia đình anh có 2 chị em, anh là con trai duy nhất. Anh muốn nuôi cháu trai để sau này có người nối dõi dòng họ.

- Về tài sản: Để anh và chị U tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn, chị Lưu Tố U trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lục Văn M về chung sống với nhau từ năm 2017, do nhận thức pháp luật hạn chế nên chị và anh M không đăng ký kết hôn, hôn lễ được tổ chức theo phong tục tập quán. Sau khi cưới, chị và anh M về ở với nhau ngay, thời gian đầu sống hạnh phúc và đã có con chung. Sau khi có con, ngày 07/3/2019 cả hai tự nguyện ra Ủy ban nhân dân xã Tr đăng ký kết hôn.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn, chị thấy có nhiều điểm không hợp nhau, hai vợ chồng cãi nhau thường xuyên, không ai được ai; hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần, nhưng không được. Đến tháng 4/2023 lại xảy ra cãi nhau và chị đã ra ở chỗ khác, chị và anh M sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan hệ vợ chồng nữa.

Hiện tại chị đang thuê nhà tại tổ dân phố V, thị trấn Đ ở.

Anh M xin ly hôn, chị đồng ý. Chị xác định không còn tình cảm với anh M.

- Về con chung: Chị và anh M có hai con chung là Lục A, sinh ngày 29/11/2017 và Lục Gia B, sinh ngày 28/01/2020. Ly hôn, chị xin nuôi con Lục Gia B, để anh M nuôi con Lục A.

Chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện tại chị đang làm công nhân tại Công ty may L, thu nhập từ 7-8 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con.

- Về tài sản: Để chị và anh M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay ngU đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Các đương sự giữ nguyên lời khai như trình bày ở trên ngoài ra các đương sự còn trình bày:

- Nguyên đơn anh Lục Văn M trình bày: Do chị U đi làm doanh nghiệp, có nhiều mối quan hệ khác, anh đã khuyên giải nhiều lần, nhưng chị U không nghe. Anh và chị U ly thân từ đầu năm 2023. Đến nay anh không còn tình cảm với chị U nữa, đề nghị Hội đồng xét xử cho anh được ly hôn chị U.

Về con chung: Anh và chị U có hai con chung là Lục A, sinh ngày 29/11/2017 và Lục Gia B, sinh ngày 28/01/2020. Hiện cả hai con anh đang nuôi. Ly hôn anh xin nuôi con Lục Gia B, để chị U nuôi con Lục A.

Anh không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Để anh và chị U tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Chị Lưu Tố U trình bày: Trong cuộc sống vợ chồng, chị và anh M có nhiều điểm không hợp nhau, nên thường xuyên cãi nhau. Đầu năm 2023 thì chị thuê nhà ra chỗ khác ở, chị và anh M đã sống ly thân, không còn quan hệ vợ chồng nữa. Anh M xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh M có hai con chung là Lục A, sinh ngày 29/11/2017 và Lục Gia Bảo, sinh ngày 28/01/2020. Hiện cả hai con anh M đang nuôi, thỉnh thoảng chị có về thăm các con. Ly hôn chị xin nuôi con Lục Gia B, để anh M nuôi con Lục A.

Chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Để chị và anh M tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng

xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được Tòa án cho thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự; ngU đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều: 51, 55, 82, 83, 84, 107, 110, và 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Các Điều: 28, 35, 39, 147, 171 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 và 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí; xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lục Văn M và chị Lưu Tố U.

- Về con chung: Giao cho anh Lục Văn M trực tiếp nuôi con Lục Gia B, sinh ngày 28/01/2020.

Giao cho chị Lưu Tố U trực tiếp nuôi con Lục A, sinh ngày 29/11/2017.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Anh Lục Văn M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh M đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Anh Lục Văn M có đơn xin ly hôn và giải quyết về con chung. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lục Văn M và chị Lưu Tố U về chung

sống vào năm 2017, do nhận thức pháp luật hạn chế nên cả hai không ra Ủy ban nhân dân có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Hôn lễ được tổ chức theo phong tục tập quán. Sau khi cưới, anh M và chị U về ở với nhau ngay, thời gian đầu sống hạnh phúc và đã có con chung. Sau khi có con, nên ngày 07/3/2019 cả hai tự nguyện ra UBND xã Tr, huyện Lục Nam đăng ký kết hôn. Nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do trong quá trình chung sống, hai bên có nhiều điểm không hợp nhau, hay xảy ra cãi nhau. Anh M cho rằng chị U đi làm doanh nghiệp, nên có nhiều mối quan hệ không lành mạnh; còn chị U cho rằng chị và anh M có nhiều điểm không hợp nhau. Đến tháng 4/2023 thì anh M và chị U lại xảy ra cãi nhau và chị U đã ra ở chỗ khác, hai người sống ly thân từ đây. Gia đình và Tòa án đã tiến hành hòa giải để anh M và chị U về đoàn tụ. Nhưng anh M và chị U xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết xin ly hôn. Như vậy cả anh M và chị U đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh M và chị U.

[2.3] Về con chung: Anh M và chị U có 2 con chung là: Lục A, sinh ngày 29/11/2017 và Lục Gia Bảo, sinh ngày 28/01/2020. Hiện anh M đang nuôi.

Anh M có nguyện vọng nuôi con Lục Gia B.

Chị U cũng có nguyện vọng nuôi con Lục Gia B.

Xét thấy: Anh M và chị U có 2 con chung; nuôi con vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cả bố và mẹ. Cháu Lục A là con gái, còn nhỏ và cần có sự chăm sóc của mẹ hơn, nên giao cho chị U nuôi là phù hợp.

Cháu Lục Gia B giao cho anh M nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn anh M và chị U có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở các đương sự thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc cấp dưỡng nuôi con cho phù hợp, nếu sau này các đương sự có yêu cầu và theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Anh M là ngU đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51, 55, 82, 83, 84, 107, 110, và 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lục Văn M và chị Lưu Tố U

2. Về con chung: Giao cho anh Lục Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con Lục Gia B, sinh ngày 28/01/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Giao cho chị Lưu Tố U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Lục A, sinh ngày 29/11/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh M và chị U có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở các đương sự thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Lục Văn M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000750 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh M đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tU án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Tr, huyện Lục Nam;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS+VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh